TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16-8- 2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Thị Yến Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Văn Dũng
2. Ông Nguyễn Đắc Liệt

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 418/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 04 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mai V, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số 41/5 đường Đ, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Công H, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số 267 đường N, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa:

Bà Lê Thị Mai V và ông Phạm Công H tự nguyện chung sống vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 10-8-1995 tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình vợ chồng chung sống đôi khi có những mâu thuẫn nhỏ nhưng khắc phục được, đến năm 2002 mới phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến không còn sự

yêu thương tôn trọng lẫn nhau và tự sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phạm Công Ngọc D, sinh ngày 02-6-1996 đã đủ tuổi trưởng thành và cháu Phạm Công Ngọc G, sinh ngày 27-7-2002. Theo nguyện vọng của con, bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Phạm Công Ngọc G đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Công H:

Tòa án tống đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông H vẫn vắng mặt nên Tòa án không thu thập ý kiến trình bày của ông H. Theo xác nhận của Công an phường N, thành phố hiện nay ông H có đang cư trú tại số 267 đường N, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tống đạt, niêm yết hợp lệ nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí nguyên đơn phải nộp toàn bộ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có nơi cư trú tại thành phố V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông H tự nguyện chung sống từ năm 1995, có đăng ký kết hôn được UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp

giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyển số 15 ngày 10-8-1995. Quá trình chung sống giữa hai ông bà không hạnh phúc do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng tự sống ly thân từ năm 2017. Kết quả xác minh tại địa phương xác định vợ chồng bà V, ông H có mâu thuẫn và đã sống ly thân. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà V, ông H đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, không có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Vì vậy yêu cầu của bà V xin ly hôn là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phạm Công Ngọc D, sinh ngày 02-6-1996 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), cháu Phạm Công Ngọc G, sinh ngày 27-7-2002, nguyện vọng của cháu G yêu cầu được sống với mẹ. Xét việc bà V yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên công nhận.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí : Do bà V là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông H không phải chịu án phí.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Luật thi hành án dân sự;

Xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mai V đối với ông Phạm Công H về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mai V được ly hôn với ông Phạm Công H.

2. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phạm Công Ngọc D, sinh ngày 02-6-1996 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), cháu Phạm Công Ngọc G, sinh ngày 27-7-2002. Bà Lê Thị Mai V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu

Phạm Công Ngọc G, sinh ngày 27-7-2002 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Công nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Mai V về việc không yêu cầu ông Phạm Công H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Phạm Công H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Mai V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí Tòa án: Bà Lê Thị Mai V phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0009409 ngày 26 tháng 04 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Như vậy, bà Lê Thị Mai V đã nộp xong án phí. Ông Phạm Công H không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Mai V và ông Phạm Công H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THA Dân sự TP Vũng Tàu;
- UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Thị Yến Oanh

Các Hội Thẩm Nhân Dân	**Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa**
Vũ Xuân Miện – Nguyễn Đắc Liệt	**Phan Thị Yến Oanh**